GỬI WEB THCS BÌNH KHÁNH

MẪU GỢI Ý

**UNIT 13: FESTIVALS**

**Lesson 1: Getting Started, Listen and Read**

**I. Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành bài học, học sinh (HS) có thể:

Biết thêm một số lễ hội truyền thống của Viết Nam

**II. Trọng tâm ngôn ngữ:**

1. Từ vựng: Listen & Read

*\* Vocabulary:*

interested in = fond of = keen on

ancient (adj) cổ xưa

pottery (n) nghề gốm

(to) fetch: lấy mang về (to go to get (sth) and bring it back.)

competition (n) cuộc thi

starting position (n) vị trí xuất phát

upset (adj) = sad

(to) yell = to shout loudly : hét to

(to) urge: thúc giục

(to make a person / an animal move more quickly)

(to) rub: cọ sát

(to) participate = to take part (in sth) : tham gia vào 🡪 participation (n) : sự tham gia

pieces of bamboo (n) mảnh tre

participate = take part in

separate (v) tách ra

husk (n) vỏ trấu

judge (n) ban giám khảo

council leader (n) chủ tịch hội đồng

(to) award: thưởng (He is the winner of the competition. They *award* him the first prize.)

to award (so) (sth) = to award (sth) to (so)

1. Structure: passive voice.

**III. Kỹ năng cần đạt:**

Học sinh thực hành đúng, trôi chảy bài hội thoại trang 121, 122 SGK

**IV. Nội dung bài học:**

A. Review: Fill the right form of the verbs in brackets.

1. The Le family …………………. (sleep) when the mailman ………….. (come)
2. While Hoa …………………….. (eat) the phone ………………….. (ring)
3. When Nam ……………………. (win) the race, the crowd ………………….. (cheer)
4. Mrs. Thoa ……………………….. (cook) when Tuan ……………….. (arrive)
5. When Lan ……………………. (arrive) school, the school drum ………………… (sound)
6. It …………………… (rain) when the plane ……………………… (get) Ha Noi.

B. New lesson

**I. Getting started.**

*Tom, David, Huckleberry, Oliver, Robinson*

1. Tom likes swimming and sunbathing.

2. David is interested in ancient cities.

3. Huckleberry likes mountain - climbing.

4. Oliver is keen on pottery.

5. Robinson is fond of crowded places.

*Where should he/ she go? Why?*

*“Ba invites his friend Liz to a traditional festival in the North of Vietnam. Do you know what kind of festival it is? (It is the rice-cooking festival”*

**II. Listen and read:**

1. **Thực hành bài thoại giữa Liz and Ba.**
2. **Answer Key:**

a) False - *Only one team member* takes part in the water-fetching contest.

b) False - One person has to collect water *a/one bottle*.

c) True

d) False - Pieces of *bamboo* are used to make the fire.

e) False - In the final contest, *the judges* taste the rice.

f) True

1. **Questions:**

1. How many competitions are there in a rice-cooking festival? What are they?

2. What must a runner do after taking a bottle of water?

3. What way is made in a fire-making contest?

4. How many people from each team participate in a rice-cooking contest?

5. What is awarded to the winner?

 **Answers:**

1. Three. They are water-fetching, fire-making and rice-cooking.

2. Return to the starting position.

3. The traditional way.

4. Six

5. The grand prize

**HOMEWORK**

- Learn vocabulary by heart.

- Do the exercises in the Workbook.

- Practice speaking the dialogue at home.

- Prepare lesson 2: Speak & Listen (p 123-124)

- Vocabulary: a pomegranate, a water melon seed, peach blossoms, marigolds, spring rolls.

UNIT 13: FESTIVALS

Lesson 4: Write

Mục tiêu: Sau khi hoàn thành bài học, học sinh (HS) có thể:

Trọng tâm ngôn ngữ:

Kỹ năng cần đạt:

Nội dung bài học: